

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VĨNH HOÀN**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2010	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (tiền thân là Công ty TNHH Vĩnh Hoàn) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000069 ngày 17 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Thay đổi lần 1 ngày 11 tháng 02 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và thay đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới thành 1400112623.
- Thay đổi lần 2 ngày 04 tháng 6 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Bà Trương Thị Lệ Khanh	179.650.000.000	49,53
Các cổ đông khác	183.052.100.000	50,47
Cộng	362.702.100.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (067) 3891166

Fax : (067) 3891672

E-mail : vh@vinhhoan.com.vn

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại Thành phố Hồ Chí Minh	569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường Cầu Kho Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản nội địa.
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy hải sản.
- Mua bán thủy hải sản; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản; chế biến thức ăn thủy sản.
- Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
- Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).
- Kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái.
- Sản xuất bao bì giấy, in các loại.
- Xây dựng nhà các loại, kinh doanh bất động sản.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 30).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2009 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 ngày 16 tháng 4 năm 2010 như sau:

- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	13.526.034.445 VND
- Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban lãnh đạo và Ban điều hành	2.000.000.000 VND
- Chia cổ tức (*)	45.000.000.000 VND
Cộng	60.526.034.445 VND

(*) Công ty đã chi trong năm 2009

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Chủ tịch	01 tháng 4 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Thành viên	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Thanh Hùng	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nghệ	Thành viên	28 tháng 3 năm 2008	-
Ông Nguyễn Thanh Phương	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-
Bà Hồ Thanh Huệ	Thành viên	23 tháng 4 năm 2009	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trương Thị Lệ Khanh	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2007	-
Ông Đặng Văn Viễn	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Trương Tuyết Phương	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Ông Huỳnh Đức Trung	Phó Tổng Giám đốc	29 tháng 9 năm 2007	-
Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2008	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2010.





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0821/2010/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, được lập ngày 30 tháng 7 năm 2010, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

Phạm Hoa Đăng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0954/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786,783,659,107	785,719,874,823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	113,490,266,032	128,714,275,030
1. Tiền	111		57,490,266,032	128,714,275,030
2. Các khoản tương đương tiền	112		56,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		69,908,651,142	39,200,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	69,908,651,142	39,200,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		284,381,166,202	346,212,284,695
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	274,418,608,283	304,440,307,151
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4,648,318,088	37,848,034,095
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	5,314,239,831	3,923,943,449
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		289,119,829,692	254,289,572,493
1. Hàng tồn kho	141	V.6	302,313,845,211	275,111,439,909
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(13,194,015,519)	(20,821,867,416)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29,883,746,039	17,303,742,605
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	688,969,501	195,920,040
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		24,194,078,223	7,640,738,463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	728,606,026	1,535,840,479
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	4,272,092,289	7,931,243,623

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		459,483,023,801	433,143,921,012
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		381,521,845,298	354,143,603,975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	338,806,437,710	312,661,802,264
<i>Nguyên giá</i>	222		466,003,650,152	415,526,757,562
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(127,197,212,442)	(102,864,955,298)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	30,615,890,901	24,503,311,419
<i>Nguyên giá</i>	228		31,389,910,040	25,131,041,240
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(774,019,139)	(627,729,821)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	12,099,516,687	16,978,490,292
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		60,665,242,690	60,665,242,690
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.14	60,655,242,690	60,655,242,690
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10,000,000	10,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		17,295,935,813	18,335,074,347
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	16,378,778,213	17,371,534,747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	917,157,600	963,539,600
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,246,266,682,908	1,218,863,795,835

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		428,392,085,497	603,832,177,186
I. Nợ ngắn hạn	310		278,490,522,474	458,981,584,813
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	55,621,464,412	306,486,178,450
2. Phải trả người bán	312	V.18	157,811,454,177	103,544,659,164
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	2,124,021,225	1,195,341,514
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	17,987,366,661	13,998,180,564
5. Phải trả người lao động	315	V.21	19,752,504,424	20,260,469,687
6. Chi phí phải trả	316	V.22	480,100,000	677,969,109
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.23	3,500,938,134	4,137,963,977
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	21,212,673,441	8,680,822,348
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		149,901,563,023	144,850,592,373
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.25	148,333,224,693	143,822,118,693
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	1,568,338,330	1,028,473,680
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		817,874,597,411	615,031,618,649
I. Vốn chủ sở hữu	410		817,874,597,411	615,031,618,649
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	362,702,100,000	325,680,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.27	191,808,000,000	92,448,000,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.27	(4,917,680,903)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	268,282,178,314	196,903,618,649
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1,246,266,682,908	1,218,863,795,835

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại					
Dollar Mỹ (USD)		328,921.52		3,138,850.66	
Euro (EUR)		415.28		420.74	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,347,739,421,029	1,179,076,515,452
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03	VI.1	931,412,213	9,551,533,004
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1,346,808,008,816	1,169,524,982,448
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1,129,046,625,305	977,503,104,637
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		217,761,383,511	192,021,877,811
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	27,990,521,844	29,349,422,059
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23,465,478,555	53,856,581,489
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,572,333,128	24,276,356,019
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	93,641,514,673	71,639,392,186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13,782,665,903	9,727,993,328
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		114,862,246,224	86,147,332,867
11. Thu nhập khác	31	VI.7	576,151,196	127,902,458
12. Chi phí khác	32	VI.8	69,455,644	3,711,383,250
13. Lợi nhuận khác	40		506,695,552	(3,583,480,792)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		115,368,941,776	82,563,852,075
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	19,042,247,666	11,693,603,346
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>96,326,694,110</u>	<u>70,870,248,729</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>-</u>	<u>-</u>

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2010


Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởngTrương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		115,368,941,776	82,563,852,075
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,V.12	24,478,546,462	23,662,230,749
- Các khoản dự phòng	03	V.7	(7,627,851,897)	(13,949,221,159)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3,VI.4	3,772,368,000	17,880,243,639
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,VI.7, VI.8	(3,477,616,463)	(1,433,033,750)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11,572,333,128	24,276,356,019
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		144,086,721,006	133,000,427,573
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		34,640,999,717	(39,384,715,007)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27,202,405,302)	71,466,912,257
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		53,500,597,303	41,697,947,558
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		499,707,073	(3,876,200,081)
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.22,VI.4	(11,856,052,375)	(26,656,116,851)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.20	(15,311,952,992)	(2,789,119,145)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.24	530,850,000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	(3,525,033,352)	(1,064,408,467)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		175,363,431,078	172,394,727,837
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.11,V.12,V.13, VII	(41,223,614,436)	(20,891,720,023)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	30,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(118,318,696,835)	(92,800,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	87,610,045,693	104,480,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	3,477,616,463	5,108,754,274
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(68,454,649,115)	(4,072,965,749)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.27	126,960,000,000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17,V.25	107,967,485,611	980,666,877,835
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17,V.25	(356,867,992,281)	(1,012,325,625,239)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.27	(25,850,000)	(15,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(121,966,356,670)	(31,673,747,404)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(15,057,574,707)	136,648,014,684
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	128,714,275,030	8,902,571,307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(166,434,291)	(3,954,610,155)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	113,490,266,032	141,595,975,836

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2010



Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa, chế biến, bảo quản thủy hải sản và các sản phẩm từ thủy hải sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản; Các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn tính khấu hao theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 – 5 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 - 6 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Riêng đối với hoạt động mở rộng quy mô, nâng cao năng lực sản xuất Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 1 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản nợ phải thu, phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu kỳ sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941 VND/USD

30/06/2010 : 18.544 VND/USD

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.304.738.392	1.883.160.248
Tiền gửi ngân hàng	54.185.527.640	126.831.114.782
Các khoản tương đương tiền ^(*)	56.000.000.000	-
Cộng	<u>113.490.266.032</u>	<u>128.714.275.030</u>

^(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 vay	5.455.000.000	26.700.000.000
Cho Ông Phan Ngọc Ân vay	11.389.954.307	12.500.000.000
Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 1 năm	53.063.696.835	-
Cộng	<u>69.908.651.142</u>	<u>39.200.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Khách hàng trong nước	11.363.567.665	8.732.417.595
Các Khách hàng nước ngoài	263.055.040.618	295.707.889.556
Cộng	<u>274.418.608.283</u>	<u>304.440.307.151</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các Nhà cung cấp trong nước	4.295.771.681	32.138.989.718
Các Nhà cung cấp nước ngoài	352.546.407	5.709.044.377
Cộng	<u>4.648.318.088</u>	<u>37.848.034.095</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 – thu hộ tiền hàng	4.856.078.231	2.827.175.256
Phải thu khác	458.161.600	1.096.768.193
Cộng	<u>5.314.239.831</u>	<u>3.923.943.449</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	26.247.352.606	15.659.170.057
Công cụ, dụng cụ	2.106.719.319	1.895.684.611
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	174.047.562.568	118.544.963.947
Thành phẩm	99.312.114.917	139.007.843.625
Hàng hóa	4.494.828	3.777.669
Hàng gửi đi bán	595.600.973	-
Cộng	<u>302.313.845.211</u>	<u>275.111.439.909</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	-	265.435.081
Thành phẩm	13.194.015.519	20.556.432.335
Cộng	13.194.015.519	20.821.867.416

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	20.821.867.416
Hoàn nhập dự phòng	(7.627.851.897)
Số cuối kỳ	13.194.015.519

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Công cụ, dụng cụ xuất dùng. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Công cụ, dụng cụ</u>
Số đầu năm	195.920.040
Tăng trong kỳ	862.191.982
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(369.142.521)
Số cuối kỳ	688.969.501

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.817.872
Thuế xuất, nhập khẩu	728.606.026	1.496.022.607
Cộng	728.606.026	1.535.840.479

10. Tài sản ngắn hạn khác

Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	134.754.727.572	274.910.684.753	5.007.619.767	853.725.470	415.526.757.562
Mua sắm mới	1.100.000.000	838.820.900	-	-	1.938.820.900
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	21.739.313.962	26.798.757.728	-	-	48.538.071.690
Số cuối kỳ	157.594.041.534	302.548.263.381	5.007.619.767	853.725.470	466.003.650.152
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.458.142.921	24.344.629.623	381.243.810	173.260.395	26.357.276.749
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.767.045.947	86.559.743.756	2.071.341.836	466.823.759	102.864.955.298
Khấu hao trong kỳ	4.753.762.347	19.084.928.371	403.514.430	90.051.996	24.332.257.144
Số cuối kỳ	18.520.808.294	105.644.672.127	2.474.856.266	556.875.755	127.197.212.442

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	120.987.681.625	188.350.940.997	2.936.277.931	386.901.711	312.661.802.264
Số cuối kỳ	139.073.233.240	196.903.591.254	2.532.763.501	296.849.715	338.806.437.710
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá 194.545.049.624 VND và giá trị còn lại 117.202.346.230 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.590.811.450	540.229.790	25.131.041.240
Mua trong kỳ	6.258.868.800	-	6.258.868.800
Số cuối kỳ	30.849.680.250	540.229.790	31.389.910.040
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	126.500.596	126.500.596
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	297.263.139	330.466.682	627.729.821
Khấu hao trong kỳ	104.916.402	41.372.916	146.289.318
Số cuối kỳ	402.179.541	371.839.598	774.019.139
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.293.548.311	209.763.108	24.503.311.419
Số cuối kỳ	30.447.500.709	168.390.192	30.615.890.901

Một số quyền sử dụng đất có nguyên giá là 14.067.767.850 VND và giá trị còn lại 13.665.588.309 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Công trình nhà xưởng số 1	14.065.351.190	38.094.585.522	(43.416.732.874)	8.743.203.838
Công trình nhà xưởng số 3	1.920.571.250	99.944.530	-	2.020.515.780
Chi phí đào nuôi cá	992.567.852	5.464.568.033	(5.121.338.816)	1.335.797.069
Cộng	16.978.490.292	43.659.098.085	(48.538.071.690)	12.099.516.687

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ^(a)	5.200.300	52.003.709.506	5.200.300	52.003.709.506
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ^(b)	-	8.651.533.184	-	8.651.533.184
Cộng		60.655.242.690		60.655.242.690

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5103000070 ngày 04 tháng 4 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 52.500.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 52.003.709.506 VND, tương đương 69,8% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 là 496.290.494 VND.

(b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 499.912 USD, tương đương 100% vốn điều lệ.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ		Số cuối kỳ
			Giảm khác		
Công cụ, dụng cụ	6.994.167.786	5.221.502.721	(2.938.466.114)	-	9.277.204.393
Tiền thuê đất	10.377.366.961	-	(272.727.270)	(3.003.065.871)	7.101.573.820
Cộng	17.371.534.747	5.221.502.721	(3.211.193.384)	(3.003.065.871)	16.378.778.213

Một số công cụ dụng cụ có nguyên giá 2.836.802.000 VND và giá trị còn lại 1.010.111.236 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

16. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng ^(*)	55.621.464.412	276.252.854.450
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.25)	-	30.233.324.000
Cộng	55.621.464.412	306.486.178.450

(*) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	276.252.854.450	107.228.747.611	(326.634.668.281)	(1.225.469.368)	55.621.464.412
Vay dài hạn đến hạn trả	30.233.324.000	-	(30.233.324.000)	-	-
Cộng	306.486.178.450	107.228.747.611	(356.867.992.281)	(1.225.469.368)	55.621.464.412

18. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Nhà cung cấp trong nước	156.240.199.015	102.545.895.714
Các Nhà cung cấp nước ngoài	1.571.255.162	998.763.450
Cộng	157.811.454.177	103.544.659.164

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các Khách hàng trong nước	835.213.225	1.020.027.068
Các Khách hàng ngoài nước	1.288.808.000	175.314.446
Cộng	2.124.021.225	1.195.341.514

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*)	(39.817.872)	6.086.025.026	(6.046.207.154)	-
Thuế xuất, nhập khẩu (*)	(1.496.022.607)	1.097.048.817	(329.632.236)	(728.606.026)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.921.511.114	19.042.247.666	(15.311.952.992)	17.651.805.788
Thuế thu nhập cá nhân	76.669.450	492.417.290	(233.525.867)	335.560.873
Tiền thuê đất	-	267.151.189	(267.151.189)	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	12.462.340.085	26.987.889.988	(22.191.469.438)	17.258.760.635

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (thuyết minh V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản sơ chế, phụ phẩm nội tiêu, hàng mua không qua chế biến	5%
- Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.13

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.368.941.776	82.563.852.075
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	69.455.644	18.202.138.512
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.243.209.514)	(7.217.163.820)
Tổng thu nhập chịu thuế	111.195.187.906	93.548.826.767
Trong đó:		
- Thu nhập của hoạt động sản xuất kinh doanh được giảm 50%	70.052.394.473	76.822.562.544
- Thu nhập của hoạt động kinh doanh không được ưu đãi	41.142.793.433	16.726.264.223
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	27.798.796.976	23.387.206.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(8.756.549.310)	(11.693.603.346)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.042.247.666	11.693.603.346

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

21. Phải trả người lao động

Lương tháng 6 và khoản lương trích lương tháng 13 phải trả công nhân viên.

22. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	-	283.719.247
Chi phí khác	480.100.000	394.249.862
Cộng	480.100.000	677.969.109

23. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	1.508.825.907	1.196.106.374
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	434.865.428	577.514.590
Bảo hiểm thất nghiệp	10.445.069	-
Cổ tức phải trả	45.400.000	71.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.501.401.730	2.293.093.013
Cộng	3.500.938.134	4.137.963.977

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	7.215.500.614	11.661.453.175	850.000	(2.570.950.000)	16.306.853.789
Quỹ phúc lợi	1.465.321.734	3.864.581.270	530.000.000	(954.083.352)	4.905.819.652
Cộng	8.680.822.348	15.526.034.445	530.850.000	(3.525.033.352)	21.212.673.441

25. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất bằng lãi suất Sibor 6 tháng + lãi suất biên USD cho khoản vay bằng USD và lãi suất cho vay dài hạn VND công bố trừ 0,5% cho khoản vay bằng VND để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh (phân xưởng 3 và phân xưởng 1). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản thuộc dự án bao gồm máy móc, thiết bị, công trình xây dựng, quyền sử dụng đất của khu đất 21.581,2 m² xây dựng nhà máy và khu đất 8.790m².

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	124.705.664.000
Trên 5 năm	23.627.560.693
Tổng nợ	148.333.224.693

Chi tiết phát sinh trong kỳ của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	143.822.118.693
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	738.738.000
Chênh lệch tỷ giá	3.772.368.000
Số cuối kỳ	148.333.224.693

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	1.028.473.680
Số trích lập trong kỳ	623.430.650
Số chi trong kỳ	(83.566.000)
Số cuối kỳ	1.568.338.330

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hoái đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	300.000.000.000	-	-	102.360.211.761	402.360.211.761
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	152.404.167.606	152.404.167.606
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(7.492.895.079)	(7.492.895.079)
Phát hành cổ phiếu	25.680.000.000	92.448.000.000	-	-	118.128.000.000
Chi cổ tức từ lợi nhuận các năm	-	-	-	(84.750.000)	(84.750.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hoái đổi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
trước					
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho các năm trước	-	-	-	(5.283.115.639)	(5.283.115.639)
Số dư cuối năm trước	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Số dư đầu năm nay	325.680.000.000	92.448.000.000	-	196.903.618.649	615.031.618.649
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	96.326.694.110	96.326.694.110
Trích lập các quỹ trong kỳ từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(15.526.034.445)	(15.526.034.445)
Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên	9.422.100.000	-	-	(9.422.100.000)	-
Phát hành cổ phiếu	27.600.000.000	99.360.000.000	-	-	126.960.000.000
Các khoản khác	-	-	(4.917.680.903)	-	(4.917.680.903)
Số dư cuối kỳ	362.702.100.000	191.808.000.000	(4.917.680.903)	268.282.178.314	817.874.597.411

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước	25.850.000
Tạm ứng cổ tức	-
Cộng	25.850.000

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.942.210	39.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu phổ thông	36.270.210	32.568.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.347.739.421.029	1.179.076.515.452
- Doanh thu bán hàng hóa	322.786.039.277	160.759.437.481
- Doanh thu bán thành phẩm	860.953.835.421	909.491.845.466
- Doanh thu bán nguyên vật liệu	2.493.540.785	2.067.813.383
- Doanh thu bán phụ phẩm	160.836.989.086	106.280.604.446
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	669.016.460	476.814.676
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(931.412.213)	(9.551.533.004)
- Giảm giá hàng bán	(97.123.445)	(85.725.420)
- Hàng bán bị trả lại	(834.288.768)	(9.465.807.584)
Doanh thu thuần	1.346.808.008.816	1.169.524.982.448
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	322.781.356.709	158.989.691.548
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	860.027.105.776	901.737.082.665
- Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu	2.493.540.785	2.067.813.383
- Doanh thu thuần bán phụ phẩm	160.836.989.086	106.253.580.176
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	669.016.460	476.814.383

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	300.677.330.953	151.543.277.785
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	683.045.710.742	740.760.632.906
Giá vốn của nguyên vật liệu đã cung cấp	2.668.611.489	1.955.285.681
Giá vốn phế phẩm	150.282.824.018	97.193.129.424
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.627.851.897)	(13.949.221.159)
Cộng	1.129.046.625.305	977.503.104.637

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	149.207.213	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	264.217.539	197.964.814
Lãi tiền cho vay	3.328.409.250	4.057.675.811
Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu	1.862.535.422	2.356.208.441
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	1.051.078.463
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	317.164.633
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.386.152.420	21.369.329.897
Cộng	27.990.521.844	29.349.422.059

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.572.333.128	24.276.356.019
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.772.368.000	18.197.408.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.120.777.427	11.382.817.198
Cộng	23.465.478.555	53.856.581.489

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.210.265.331	1.466.430.422
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	50.720.919	5.200.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.490.492	23.490.492
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.827.480.967	52.536.488.248
Chi phí khác	28.529.556.964	17.607.783.024
Cộng	93.641.514.673	71.639.392.186

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.105.970.159	3.103.858.491
Chi phí đồ dùng văn phòng	272.171.372	421.778.301
Chi phí khấu hao tài sản cố định	781.365.252	516.762.404
Thuế, phí và lệ phí	275.251.570	169.181.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	815.850.000	652.680.000
Chi phí khác	7.532.057.550	4.863.732.869
Cộng	13.782.665.903	9.727.993.328

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	30.000.000
Tiền bồi thường	175.924.521	-
Thu nhập khác	400.226.675	97.902.458
Cộng	576.151.196	127.902.458

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	3.705.720.524
Chi phí khác	69.455.644	5.662.726
Cộng	69.455.644	3.711.383.250

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	525.502.408.279	536.009.994.377
Chi phí nhân công	67.092.380.326	63.120.089.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.478.546.462	23.662.230.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	139.873.309.158	99.172.137.548
Chi phí khác	50.288.697.688	30.960.089.395
Cộng	807.235.341.913	752.924.541.486

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty có các giao dịch không bằng tiền như sau:

Tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế với số tiền là 9.422.100.000 VND.

Số dư công nợ về mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	6.169.894.795	4.683.395.519
Ứng trước mua tài sản cố định	1.123.823.414	10.270.497.487

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Bán hàng hóa	85.820.563	121.666.607
Mua nguyên liệu	15.027.266.150	11.192.309.300
Các cá nhân có liên quan		
Bán hàng hóa	191.566.063	289.625.020
Mua nguyên vật liệu, dịch vụ	12.933.191.700	18.047.326.800

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.551.178.366	1.473.813.981
Các cá nhân có liên quan	2.012.315.000	258.842.500
Cộng nợ phải thu	3.563.493.366	1.732.656.481

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong kỳ là 2.342.084.000 VND (kỳ trước là 1.386.149.948 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1	Công ty con
Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)	Công ty con
Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức	Công ty do gia đình Chủ tịch HĐQT tham gia góp vốn thành lập
Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang	Công ty con 100% vốn của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	294.978.042.119	149.303.459.148
Cho vay ngắn hạn	65.255.000.000	92.800.000.000
Thu lãi cho vay ngắn hạn	2.424.313.417	4.049.836.361
Bán hàng hóa, dịch vụ	87.977.214.732	16.034.409.519
Bán phụ phẩm	6.768.064.000	5.071.328.200
<i>Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Bán thành phẩm	403.212.481.285	222.772.069.346
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	210.977.578.117	111.608.314.980
Bán nguyên liệu, hàng hóa	2.483.930.954	5.452.509.261
Bán thành phẩm	9.131.609.375	17.465.340.618
Thanh lý phương tiện, vận tải	-	30.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải thu tiền cho vay ngắn hạn	5.455.000.000	26.700.000.000
Phí nhập khẩu ủy thác	-	2.069.719.970
Ứng trước tiền hàng	-	21.936.004.670
Phải thu tiền thu hộ	4.856.078.231	2.827.175.256
<i>Công ty TNHH Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ)</i>		
Phải thu tiền hàng	170.183.648.885	153.669.204.974
Cộng nợ phải thu	180.494.727.116	207.202.104.870
<i>Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	52.511.587.489	-
Phải trả tiền thu hộ thức ăn viên	-	181.872.513
<i>Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	38.243.282.274	22.811.800.508
<i>Công ty TNHH MTV chế biến thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	1.281.184.200
Cộng nợ phải trả	90.754.869.763	24.274.857.221

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, Phường 11, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010 Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (xem thuyết minh số IV. 14). Theo đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ của tiền, các khoản nợ ngắn hạn là 4.917.680.903 VND được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) thay vì kết chuyển vào chi phí như kỳ trước.

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Công ty áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.759.378.062	294.847.566
Trên 1 năm đến 5 năm	6.234.631.224	1.333.006.278
Trên 5 năm	1.669.052.844	1.592.244.837
Cộng	<u>9.663.062.130</u>	<u>3.220.098.681</u>

Đồng Tháp, ngày 30 tháng 7 năm 2010

Nguyễn Thị Kim Đào
Kế toán trưởng



Trương Thị Lệ Khanh
Tổng Giám đốc